

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HS-ST

Ngày 14-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hoan và bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2021/TLST-HS ngày 21/7/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HS ngày 02/8/2021, đối với các bị cáo:

- **DƯƠNG VĂN C** sinh năm 1970 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Hải và bà Đào Thị Tính; vợ là Trịnh Thị Gấm và có hai con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/6/2021 đến ngày 10/6/2021 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- **NGUYỄN ĐỨC B** sinh năm 1963 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Nhan Bàu, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Tr và bà Lê Thị Ch; vợ là Nguyễn Thị N và hai con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- **VŨ VĂN H** sinh năm 1968 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Vĩnh Xá, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn L và bà Lưu Thị H; vợ là Hoàng Thị Th và có hai con; tiền án: Không; Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐ-XPHC ngày 04/02/2021 của Công an huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xử phạt đối với bị cáo H về hành vi Đánh bạc, mức phạt 1.000.000đ, nộp tiền phạt ngày 05/02/2021; bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- **TRỊNH ĐÌNH H2** sinh năm 1956 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam (*bị cáo H2 là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam nhưng đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng, theo Quyết định số 24-QĐ/UBKTHU ngày 27/7/2021 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Thanh Hà, tỉnh Hải Dương*); con ông Trịnh Đình C và bà Lê Thị Ch; vợ là Bùi Thị Th và có hai con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/6/2021 đến ngày 10/6/2021 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- **TRỊNH THỊ H3** sinh năm 1969 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn H và bà Nguyễn Thị M; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa của bị cáo Trịnh Đình H2: Bà Ngô Thị Xuân Thu, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Người làm chứng: Ông Hoàng Văn H sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn B, xã T2, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn C, Vũ Văn H1, Trịnh Đình H2, Nguyễn Đức B, Trịnh Thị H3 là những người quen biết. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 08/6/2021 C, H1, H2, B đến nhà H3 ở thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương chơi. Trong lúc ngồi chơi tại phòng khách của gia đình H3, C rủ H1, H2, B đánh bạc, mọi người đồng ý. C bảo H3 cho đánh bạc tại nhà, H3 đồng ý và đưa một bộ tứ lơ khơ 52 quân bài cho C, C cầm bộ bài nói trên cùng H1, H2, B đi lên tầng hai nhà của gia đình H3 để đánh bạc trái phép, bằng hình thức đánh “phỏm” được thua bằng tiền.

Hình thức đánh “phỏm” được thua bằng tiền, người chia bài cầm bộ bài tứ lơ khơ 52 quân bài, chia lần lượt theo kim đồng hồ hoặc ngược kim đồng hồ cho những người chơi, mỗi người được chia chín quân bài, người nào đánh quân bài trước được chia mười quân bài, số bài còn lại được úp xuống để dưới chiếu, giữa vị trí của những người đánh bạc (gọi là bài lọc). Người đánh quân bài đầu tiên đánh một quân bài cho người bên cạnh, nếu người bên cạnh ăn (nhận) quân bài đó thì phải đánh một quân bài khác đang cầm trên tay của mình cho người bên cạnh mình, nếu không ăn quân bài thì được bốc quân bài ở bài lọc và đánh tiếp một quân bài cho người ngồi cạnh mình, cứ như vậy cho đến khi “ù” hoặc hết số bài ban đầu dùng để bốc thì một ván chơi sẽ kết thúc; “phỏm” là ba quân bài liên tiếp nhau cùng chất hoặc ba quân bài cùng giá trị với nhau. “ù” là có ba phỏm; “cháy” là không có phỏm nào. Nếu trong ván chơi không có ai “ù” thì tất cả sẽ hạ bài và tính

điểm, ai ít điểm nhất người đó thắng, ít điểm thứ hai thì người đó về nhì, ai nhiều điểm nhất gọi là bát. Quân A (át) được tính một điểm, từ quân 2 đến quân 10 tính theo giá trị (02 điểm đến 10 điểm); quân J-Q-K lần lượt là 11, 12, 13 điểm.

Mức độ sát phạt, người nào về nhất thì sẽ được tất cả số tiền của những người còn lại; người về nhì trả số tiền 20.000đ, người về thứ ba trả số tiền 40.000đ và người cuối cùng (gọi là bát) trả số tiền 60.000đ; người nào “cháy” trả cho người về nhất 80.000đ; người nào “ù” thì những người còn lại mỗi người phải trả 100.000đ;

Khi đánh bạc B có khoảng 5.300.000đ cho C vay 500.000đ để đánh bạc, H1 có khoảng 400.000đ, H2 có khoảng 400.000đ. Trong khi C, B, H1, H2 đang đánh bạc có ông H đến ngồi xem. C, B, H1, H2 đánh bạc đến khoảng 15 giờ 50 phút cùng ngày, thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ một bộ tú lơ khơ 52 quân bài; một chiếc còi và số tiền 300.000đ; thu giữ của B 5.140.000đ và của H2 320.000đ đều được sử dụng vào việc đánh bạc trái phép; H1, C thua hết số tiền đã tham gia đánh bạc.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 19/7/2021 VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa của bị cáo H2 đều thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt; miễn án phí cho bị cáo H2 do là người cao tuổi, có công với cách mạng. Người bào chữa của bị cáo H2 đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) cho bị cáo H2 được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ; bị cáo H2 nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Dương Văn C, Nguyễn Đức B, Trịnh Thị H, Vũ Văn H, Trịnh Đình H phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo H1. Xử phạt bị cáo H1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo C. Xử phạt bị cáo C từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; giao bị cáo C cho UBND xã T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo B. Xử phạt bị cáo B từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; giao bị cáo B cho UBND xã T1 giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Thị H. Xử phạt bị cáo H3 từ 08 tháng đến 10 tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập của bị cáo H3 từ 05% đến 10% thu nhập/tháng, trong thời gian chấp hành hình phạt nộp ngân sách nhà nước.

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Đình H2. Xử phạt bị cáo H2 từ 08 tháng đến 10 tháng Cải tạo không giam giữ (được trừ 02 ngày tạm giữ) thời hạn tính từ ngày UBND xã T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập của bị cáo H2 từ 05% đến 10% thu nhập/tháng, trong thời gian chấp hành hình phạt nộp ngân sách nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc 5.760.000đ; tịch thu, tiêu hủy một bộ tứ lơ khơ 52 quân bài và một chiếu cói. Bị cáo C, B, H1, H3 mỗi một người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên; VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội và áp dụng điều luật: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ khoảng 14 giờ 00 phút đến 15 giờ 50 phút ngày 08/6/2021 tại nơi ở của gia đình Trịnh Thị H3 thuộc thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương - Dương Văn C, Nguyễn Đức B, Vũ Văn H1, Trịnh Đình H2 và Trịnh Thị H3 đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, bằng hình thức đánh “phỏm” với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc trái phép là 5.760.000đ.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, trị an xã hội, nếp sống văn minh, trong khi đó các bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên các bị cáo

đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội; tổng số tiền thu giữ, sử dụng vào việc đánh bạc trái phép là 5.760.000đ nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về số tiền nói trên. Vì vậy, hành vi của Dương Văn C, Nguyễn Đức B, Vũ Văn H1, Trịnh Đình H2 và Trịnh Thị H3 đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, nên quyết định truy tố của VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về đồng phạm của vụ án, HĐXX xác định đây là vụ án đồng phạm, nhưng thuộc trường hợp giản đơn vì không có sự câu kết, tổ chức chặt chẽ giữa các bị cáo, các bị cáo đánh bạc từ khi bắt đầu cho đến khi bị bắt quả tang. Tuy nhiên cần đánh giá vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, để xem xét mức hình phạt phù hợp. Trong vụ án này, C là người khởi xướng việc đánh bạc; B sử dụng số tiền để đánh bạc cho đến khi bị bắt quả tang 5.140.000đ (nhiều nhất trong số các bị cáo) nên C và B giữ vị trí, vai trò tương đương nhau, thứ nhất trong vụ án. Bị cáo H3 mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng tạo điều kiện dùng nơi ở của gia đình mình, chuẩn bị công cụ, phương tiện để các bị cáo đánh bạc trái phép, nên giữ vị trí, vai trò thứ hai trong vụ án; bị cáo H1 và H2 đều tham gia đánh bạc cho đến khi bị bắt quả tang (khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 320.000đ của bị cáo H2 sử dụng vào việc đánh bạc), nên giữ vị trí, vai trò thứ yếu trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xác định quá trình giải quyết vụ án các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo C, B, H3, H2 lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo H2 là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo H1 có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; bị cáo B là người trực tiếp thờ cúng Liệt sỹ Nguyễn Đức K (là anh trai bị cáo) nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo H3, H2 giao nộp Phiếu thu về việc ủng hộ quỹ phòng chống dịch bệnh Covid 19 tại xã T là nơi cư trú của các bị cáo; bị cáo H3 giao nộp giấy tờ là người đơn thân, trực tiếp nuôi dưỡng cháu ruột Nguyễn Ngọc S là người khuyết tật nặng, HĐXX thấy rằng các giấy tờ này không phải là tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng cũng đã thể hiện ý thức trách nhiệm công dân, hoàn cảnh gia đình, HĐXX xem xét cho bị cáo H3, H2 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, sau khi cân nhắc mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét vị trí, vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, HĐXX xác định: Bị cáo H1 là người có nhân thân xấu bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, chưa được xóa tiền sự, nên lần phạm tội này cần thiết phải cách ly H1 ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo. Đối với các bị cáo C, B, H3, H2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội nên cho bị cáo C và B được hưởng án treo; bị cáo H3 và H2 áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ là phù hợp nhưng phải bị khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội với động cơ vụ lợi nhưng xem xét hoàn cảnh gia đình, nghề nghiệp của các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không đáng kể, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ một bộ tú lơ khơ 52 quân bài, một chiếc cối, xét đây là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy. Đối với số tiền 5.760.000đ là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7]. Về án phí: Các bị cáo Dương Văn C, Nguyễn Đức B, Vũ Văn H1, Trịnh Thị H3 mỗi một người phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự. Bị cáo H2 là người cao tuổi, có công với cách mạng nên được miễn 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[8]. Đối với ông Hoàng Văn H không tham gia đánh bạc, nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn H1.

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Văn C.

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Đức B.

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Thị H3.

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Đình H2.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Dương Văn C, Nguyễn Đức B, Vũ Văn H1, Trịnh Thị H3 và Trịnh Đình H2 phạm tội Đánh bạc.

3. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn H1 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Dương Văn C 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo C cho UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo; gia đình bị cáo C có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo B cho UBND xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo; gia đình bị cáo B có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Thị H3 08 (tám) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Trịnh Thị H3 trong thời gian chấp hành hình phạt, nộp ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Đình H2 08 (tám) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ 02 (hai) ngày tạm giữ (bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo H2 còn phải chấp hành 07 (sáu) tháng 24 (hai mươi tư) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo H3 và H2 cho UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình các bị cáo H3, H2 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, một chiếu cói kích thước 1,5m x 1,9m.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền 5.760.000đ.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/7/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Dương Văn C, Nguyễn Đức B, Vũ Văn H1, Trịnh Thị H3 mỗi một bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự. Bị cáo Trịnh Đình H2 được miễn 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Công an huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa của bị cáo H2;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn